

Bản án số: 590/2018/HS-PT

Ngày: 18-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 351/2017/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) và Zheng Ke X (Trịnh Khả T). Do có kháng cáo của các bị cáo Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) và Zheng Ke X (Trịnh Khả T) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 684A/2018/QĐPT-HS ngày 44 tháng 9 năm 2018.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ Họ và tên: Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), sinh năm 1980 tại Trung Quốc; nơi cư trú: thôn NS, thị trấn LĐ, tỉnh PK, Trung Quốc; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Hán; quốc tịch: Trung Quốc; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Zheng Xinh Y và bà Xue Mei Q; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 22/01/2015 (có mặt).

2/ Họ và tên: Zheng Ke X (Trịnh Khả T), sinh năm 1975 tại Trung Quốc; nơi cư trú: 8 phố TK, thị trấn ĐK, huyện CD, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: trung học; dân tộc: Hán; quốc tịch: Trung Quốc; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Zheng Minh L (đã chết) và con bà Xu Xiang M (đã chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 22/01/2015 (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 (bốn) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

Ông Đỗ Hải B là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị hại:*

1/ Bà Nguyễn Thị Đ; nơi cư trú: E9/1/26 Trung tâm đô thị CL, phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

2/ Bà Phạm Thị Q1; nơi cư trú: 03 NHC, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

3/ Bà Quách Thị Thanh L1; nơi cư trú: 272/2 LHP, phường PH, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

4/ Bà Phan Thị H; nơi cư trú: 332/10 NAN, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người phiên dịch cho các bị cáo:* Bà Lầu Cũn D (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối tháng 12/2014, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị H1 (H1 là phiên dịch) đã cấu kết với A Tr người Trung Quốc mở lớp đào tạo lừa đảo qua điện thoại cho các đối tượng là Nguyễn Văn D1, Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn Tr1, Nguyễn Thị H1, Lê Thị H2 và Trần Văn L2. A Tr lập tổng đài ở Phúc Kiến, Trung Quốc.

Sau khi học xong, H1, Tr1, H2 được phân công nhóm giả danh nhân viên tổng đài bưu điện có nhiệm vụ điện đến các chủ thuê bao máy cố định, lấy lý do các chủ thuê bao nợ cước điện thoại với số lượng lớn, dựa vào lý do đó để khai thác thông tin về chủ thuê bao.

Đ1, D1, L2 được phân công trong nhóm giả danh Công an, điện thoại cho chủ thuê bao mà trước đó nhóm giả danh tổng đài thông báo nợ cước điện thoại, nói số điện thoại đó đang liên quan tới đường dây tội phạm, khai thác xem chủ thuê bao có tiền gửi ở các ngân hàng hay không. Nếu chủ thuê bao có tiền gửi ngân hàng thì bộ phận này chuyển máy cho Th.

Th giả danh là cấp trên, yêu cầu chủ thuê bao chuyển tiền vào tài khoản do Th chỉ định để xác minh nếu thu nhập chính đáng sẽ chuyển trả lại ngay trong 24h.

Để có tài khoản yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào, Th thuê Vũ Mạnh T1, Đỗ Văn Đ2, Lê Thế Q2, Lê Bá Th làm thẻ ATM tại Ngân hàng Sacombank. Mỗi thẻ ATM, Th trả 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng. Sau khi làm được thẻ ATM, những người nói trên gửi ra thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh cho Lê Thị A1.

Cùng với nhóm của Th, A Tr phân công Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Zheng Ke X (Trịnh Khả T) là người Trung Quốc thuê phòng nghỉ tại Khách sạn PO ở MC làm nhiệm vụ nhận thẻ ATM, đi rút tiền khi đồng bọn lừa đảo được. Lê Thị A1 được Nguyễn Thị H1 giới thiệu làm phiên dịch và giúp việc cho

Zheng Zhu E (Trịnh Chu A). Toàn bộ thẻ ATM, thẻ điện thoại do nhóm của Nguyễn Văn Th thuê làm được A1 là người đi nhận về đưa cho Zheng Zhu E (Trịnh Chu A). Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) thông tin số tài khoản cho A Tr, để chỉ đạo nhóm của Th và các nhóm khác yêu cầu các bị hại gửi vào một trong các tài khoản đó. Ngay khi bị hại gửi tiền, A Tr điện thoại cho Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) dùng thẻ ATM đến các cây ATM rút tiền ngay. Rút được tiền Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) cùng A1 ra chợ MC đổi từ tiền VND sang Nhân dân tệ để chuyển về Trung Quốc cho A Tr.

Với thủ đoạn như trên, A Tr, Nguyễn Văn Th và các đồng phạm đã thực hiện 4 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

1/ Lừa đảo chiếm đoạt 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Đ:

Ngày 14/01/2015, Nguyễn Văn Th cùng Nguyễn Văn Tr1, Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị H1, Trần Văn L2...trực tiếp điện vào số máy điện thoại cố định 0643.837478 của bà Nguyễn Thị Đ, giả danh nhân viên tổng đài bưu điện và Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nói rằng số điện thoại của bà Đ liên quan tới đường dây tội phạm rửa tiền. Để chứng minh bà Đ không liên quan thì phải chuyển số tiền đang gửi ở Ngân hàng VP Bank vào tài khoản số 060095718976 do Bùi Thanh H3 đứng tên mở tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nếu số tiền trong tài khoản không liên quan đến tội phạm thì trong 24h sẽ chuyển trả tiền cho bà Đ. Bà Đ tưởng thật nên đã đến Ngân hàng VP Bank rút 150.000.000 đồng gửi vào tài khoản của Bùi Thanh H2. Ngay sau khi bà Đ gửi tiền, A Tr gọi điện thoại cho Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) đi rút toàn bộ. Do Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) không có mặt tại MC nên đã điện thoại chỉ chỗ cất thẻ ATM để Zheng Ke X (Trịnh Khả T) lấy thẻ ATM mang tên Bùi Thanh H3 đi cùng với Lê Thị A1 ra cây ATM của Ngân hàng Sacombank MC rút tiền. Khi Zheng Ke X (Trịnh Khả T) đang rút tiền thì bà Đ phát hiện bị lừa đảo nên đã báo Công an và Ngân hàng phong tỏa tài khoản, lúc đó Zheng Ke X (Trịnh Khả T) đã rút được 30.000.000 đồng. Không rút được tiền bằng thẻ ATM, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) điện thoại cho A Tr chỉ đạo Th tìm Bùi Thanh H3 là chủ tài khoản đến Ngân hàng dùng chứng minh thư rút nốt số tiền còn lại. Khi H3 và Nguyễn Văn Tâm đến Ngân hàng rút tiền thì bị Công an bắt giữ (BL 302 - 305; 329-331; 347-552, 495,499-505; 623-640, 715, 716,722, 737,738; 815-826).

Bùi Thanh H3 khai, Nguyễn Văn T2 là bạn nhờ H3 mở tài khoản ở Ngân hàng Sacombank và được trả công 200.000 đồng. Vũ Mạnh T1 khai, Th thuê T1 mở tài khoản, mỗi tài khoản được Th trả 700.000 đồng, sau đó T1 thuê Nguyễn Văn T2 đi tìm người mở tài khoản. Quá trình điều tra, không có cơ sở kết luận T1, H3 và T2 đồng phạm với Th (BL 329-348).

2/ Lừa đảo chiếm đoạt của bà Quách Thị Thanh L1 916.617.000đ (chín trăm mười sáu triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng):

Ngày 29/12/2014, bà Quách Thị Thanh L1, bị một đối tượng (quá trình điều tra không làm rõ được người đã điện thoại cho bà L1), giả danh Công an điện thoại yêu cầu bà L1 gửi 916.617.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Văn

D1 tại Ngân hàng Sacombak (Nguyễn Văn Th là người bảo D1 mở tài khoản, sau đó đưa số tài khoản của Doanh cho A Tr).

Ngay sau khi bà L1 gửi tiền vào tài khoản của D1. A Tr thông qua Nguyễn Thị H1 phiên dịch chỉ đạo Th thuê Doanh đi rút tiền. Th nhờ D1 quay về Việt Nam để rút tiền, sẽ trả tiền công 10.000.000 đồng. Lúc này D1 và Th1 đang ở ĐH, Trung Quốc do Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) đưa sang, đợi ngày tới Phúc Kiến để học cách lừa đảo cùng với nhóm của Th. Theo sự chỉ đạo của A Tr, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) đưa D1 ra bến thuyền về MC, đồng thời điện thoại cho Zheng Ke X (Trịnh Khả T) gặp D1 lấy thẻ ATM đi rút tiền. Về tới MC gặp Zheng Ke X (Trịnh Khả T), D1 đã đưa thẻ ATM để Zheng Ke X (Trịnh Khả T) đi rút tiền tại cây ATM được 100. 000.000 đồng (mật khẩu thẻ D1 không đọc cho Zheng Ke X mà do Zheng Zhu E đọc cho Zheng Ke X). Sau đó, Th điện thoại nói D1 đợi đến đầu giờ chiều vào Ngân hàng Sacombank MC dùng chứng minh thư rút hết số tiền còn lại là 816, 617.000 đồng. Đến giờ làm việc D1 vào Ngân hàng rút hết số tiền còn lại đưa cho Zheng Ke X (Trịnh Khả T). Zheng Ke X (Trịnh Khả T) khai, về khách sạn PO cùng A1 ra chợ MC đổi sang tiền Nhân dân tệ gửi về cho Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) toàn bộ số tiền trên. (BL 350,351,372-375, 623-640; 715, 716,722, 737,738; 815-826).

Do chưa bắt được A Tr nên quá trình điều tra không làm rõ được người đã điện thoại cho bà L1 giả danh Công an yêu cầu bà L1 gửi tiền vào tài khoản của D1.

Đối với Nguyễn Văn D1 là chủ tài khoản mà bà L1 gửi tiền vào. Tuy nhiên, tại thời điểm đó D1 chưa sang Phúc Kiến học cách lừa đảo. Th không nói cho D1 biết đó là tiền lừa đảo mà có. Do vậy, không có cơ sở kết luận Nguyễn Văn D1 phải chịu trách nhiệm về khoản tiền chiếm đoạt của bà Quách Thị L1.

3/ Lừa đảo chiếm đoạt của bà Phạm Thị Q1 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng:

Ngày 15/12/2014, bà Phạm Thị Q1 bị một đối tượng (không xác định được căn cước lai lịch), giả danh Công an điện thoại nói số điện thoại của bà Q1 liên quan tới đường dây tội phạm, khi biết bà Q1 có tiền gửi Ngân hàng, đối tượng đó đã yêu cầu bà Q1 gửi 1.200.000.000 đồng vào tài khoản mang tên Võ Khắc H4, Nguyễn Văn M1, Võ Thị S, Cao Thị Anh Q3, Phạm Thị Ng và Đỗ Thanh G, để xác minh. Sau khi bà Q1 gửi tiền vào các tài khoản của các chủ tài khoản trên, lập tức Zheng Ke X (Trịnh Khả T) dùng thẻ tới các cây ATM rút nhiều lần trong hai ngày 15 và 16/12/2014 được 960.000.000 đồng, sau đó Ngân hàng đã phát hiện phong tỏa tài khoản, còn lại 240.000.000 đồng không rút được.

Zheng Ke X (Trịnh Khả T) khai, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) đưa thẻ ATM bảo Zheng Ke X (Trịnh Khả T) đi rút tiền. Hạn mức thẻ ATM chỉ rút được 100 triệu đồng/ ngày, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) bảo Zheng Ke X (Trịnh Khả T) đợi đến lúc 0h ngày 16/12/2014 rút nốt số tiền còn lại trong các tài khoản do bà Q1 gửi vào (BL; 222, 385, 386, 388, 389, 623-640, 715, 716,722, 737,738, 815-826).

Quá trình điều tra, không xác định được người thuê Võ Khắc H4, Nguyễn Văn M1, Võ Thị S, Cao Thị Anh Q3, Phạm Thị Ng và Đỗ Thanh G mở tài khoản. Các chủ tài khoản khai, được một người không rõ địa chỉ thuê làm thẻ để kinh doanh, do không hiểu biết về pháp luật nên họ đã mở tài khoản và làm thẻ ATM.

4/ Lừa đảo chiếm đoạt 1.548.529.000 (một tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu năm trăm hai mươi chín ngàn) đồng của bà Phan Thị H:

Ngày 22/12/2014, bà Phan Thị H, bị một đối tượng (không xác định được căn cước lai lịch), giả danh Công an điện thoại thông báo số điện thoại của bà H liên quan tới đường dây tội phạm, khi biết bà H có tiền gửi Ngân hàng, đối tượng đó đã yêu cầu bà H chuyển 1.548.529.000đ vào tài khoản của Trần Văn Th1. Ngay sau khi bà H gửi tiền, A Tr (thông qua H1 phiên dịch) nói với Th thuê Th1 đi rút tiền. Th điện thoại bảo Th1 cầm thẻ ATM cùng Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) đi rút tiền cho Công ty trong tài khoản. Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Th1 và D1 đi rút tiền nhưng không được, do bà H kịp thời phát hiện đã báo Công an phong tỏa tài khoản. Th khai trước đó, đã đưa cho A Tr số tài khoản của Trần Văn Th1. A Tr đã chỉ đạo nhóm khác lừa đảo bà H gửi tiền vào tài khoản của Th1. Quá trình điều tra, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) không khai nhận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo còn lại đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên (BL: 450-453; 623-640; 716,722, 737,738; 815-826).

Đối với Trần Văn Th1 là chủ tài khoản mà bà H chuyển tiền, xét tại thời điểm đó, Th1 chưa sang Phúc Kiến học cách lừa đảo. Th không nói cho Th1 biết đó là tiền lừa đảo mà có. Do vậy, không có cơ sở kết luận Th1 cùng với đồng bọn tham gia trong vụ lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên của bà H.

Như vậy, có đủ cơ sở buộc như sau:

- Nguyễn Văn Th phải chịu trách nhiệm trong việc lừa đảo chiếm đoạt của 3 bị hại là Nguyễn Thị Đ, Quách Thị L1 và Phan Thị H, với tổng số tiền là 2.615.146.000 đồng;

- Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) phải chịu trách nhiệm trong việc lừa đảo chiếm đoạt của 4 bị hại là Nguyễn Thị Đ, Quách Thị Thanh L1, Phạm Thị Q1 và Phan Thị H, với tổng số tiền là 3.715.146.000 đồng;

- Zheng Ke X (Trịnh Khả T) thực hiện với vai trò đồng phạm với Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) và Th nên phải chịu trách nhiệm hình sự về 3 vụ lừa đảo các bị hại Nguyễn Thị Đ, Quách Thị Thanh L1 và Phạm Thị Q1, tổng số tiền chiếm đoạt là 2.266.617.000 đồng;

- Các bị cáo Nguyễn Văn Tr1, Nguyễn Văn D1 và Đinh Văn Đ1 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Văn Th trong việc lừa đảo chiếm đoạt 150.000.000 đồng của bà Đ.

Đối với Lê Thị A1: Lê Thị A1 được Nguyễn Thị H1 thuê làm phiên dịch và giúp việc cho Zheng Zhu E và Zheng Ke X. Ánh trực tiếp nhận thẻ ATM và cùng với Zheng Zhu E và Zheng Ke X rút tiền từ cây ATM gửi về Trung Quốc. Hiện chưa bắt được Nguyễn Thị H1 nên chưa đủ căn cứ để xác định vai trò của Lê Thị A1 trong vụ án. Do vậy, CQĐT đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra và

tách hành vi phạm tội của A1 chờ khi bắt được Nguyễn Thị H1 sẽ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị H1 và Trần Văn L2: Tài liệu điều tra xác định Trần Văn L2 và Nguyễn Thị H1 tham gia cùng đồng phạm giả danh tổng đài, Công an điện thoại về Việt Nam lừa đảo bà Nguyễn Thị Đ, chiếm đoạt 150.000.000 đồng. Hiện nay Trần Văn L2, Nguyễn Thị H1 bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra và tách vụ án đối với H1 và L2 chờ khi bắt được xử lý sau.

Trong vụ án này theo Th khai A Tr là người cầm đầu tổ chức, chỉ đạo Th và Zheng Zhu E thực hiện các vụ lừa đảo tại Việt Nam. Tuy nhiên quá trình điều tra chủ yếu dựa vào lời khai của các bị cáo, hiện không xác minh được A Tr nên chưa có cơ sở kết luận về vai trò của A Tr.

Liên quan đến vụ án còn có các đối tượng Trần Văn Th1, Lê Thị H2, quá trình điều tra chưa làm rõ được hành vi của hai đối tượng này. Do vậy, CQĐT không khởi tố hình sự đối với Th1 và H2 là có căn cứ.

Đối với các đối tượng làm thẻ thuê cho Th, những người này không nhận thức được việc các bị can dùng thẻ và tài khoản của họ để thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không có cơ sở để xử lý về hình sự mà đưa vào diện người làm chứng.

Bản cáo trạng số 20/VKSTC ngày 06/7/2016 Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) và Zheng Ke X (Trịnh Khả T) phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự và truy tố Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn Tr1, Nguyễn Văn D1 phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm e, Khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã quyết định:

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Zheng Ke X (Trịnh Khả T), Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn Tr1 và Nguyễn Văn D1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2015.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 20 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Th 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2015.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Zheng Ke X (Trịnh Khả T) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2015.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 và Điều 47 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Tr1 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2015.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 và Điều 47 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D1 (Nguyễn Đức Doanh) 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2015.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 và Điều 47 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn Đ1 20 (hai mươi) tháng 14 (mười bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/08/2015.

Trả tự do cho bị cáo Đinh Văn Đ1 ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo Đinh Văn Đ1 không bị giam giữ về tội nào khác.

2/ Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 616 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, buộc các bị cáo phải cùng liên đới bồi thường cho những người bị hại. Cụ thể:

Buộc Nguyễn Văn Th cùng Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Zheng Ke X (Trịnh Khả T) phải cùng liên đới bồi thường cho bà Quách Thị Thanh L1 916.617.000 (chín trăm mười sáu triệu, sáu trăm mười bảy ngàn) đồng.

Buộc Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Zheng Ke X (Trịnh Khả T) phải cùng liên đới bồi thường cho bà Phạm Thị Q1 960.000.000 (chín trăm sáu mươi triệu) đồng.

Buộc Nguyễn Văn Th cùng Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Nguyễn Văn Tr1, Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn D1 phải cùng liên đới bồi thường cho bà Đ 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm phải trả tiền lãi suất nếu chậm thi hành án, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 06/6 và ngày 08/6/2017, các bị cáo Zheng Ke X và Zheng Zhu E có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Zheng Zhu E và Zheng Ke X thay đổi yêu cầu kháng cáo, từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan. Các bị cáo khai rằng sang Việt Nam tìm hiểu thị trường để tiến hành mua bán hải sản chứ không thực hiện hành vi lừa đảo. Bị cáo Zheng Ke X khai rằng bị cáo chỉ là người làm công cho Zheng Zhu E, không được hưởng lợi gì từ bị cáo Zheng Zhu E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, thay đổi yêu cầu kháng cáo kêu oan. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, biên bản hỏi cung các bị cáo Zheng Keng Xi, Nguyễn Văn Th, Lê Thị A1, nhận thấy đã có đủ căn cứ buộc tội các bị cáo Zheng Zhu E và Zheng Ke X. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Zheng Zhu E và Zheng Ke X trình bày ý kiến như sau:

Các bị cáo Zheng Zhu E và Zheng Ke X thừa nhận có sang Việt Nam, có thực hiện hành vi nhận tiền, nhưng không tham đóng các vai như Công an, Điện thoại viên để lừa đảo. Bản án sơ thẩm xác định các bị cáo đã lừa 04 người bị hại với tổng số tiền hơn 3 tỷ đồng. Tuy nhiên số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt thấp hơn số tiền mà các bị hại chuyển vào tài khoản theo chỉ định của các bị cáo. Do đó, nếu các bị cáo có phạm tội thì cũng không thể bị xét xử ở mức án cao như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Zheng Zhu E trình bày: Bị cáo biết việc rút tiền là phạm tội, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đầy đủ, khách quan các tình tiết của vụ án. Bị cáo Zheng Ke X xác định chỉ là người làm công cho bị cáo Zheng Zhu E và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Zheng Zhu E và Zheng Ke X không thừa nhận hành vi phạm tội mà cho rằng chỉ sang Việt Nam kinh doanh hải sản. Xét thấy, lời khai nại của các bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì:

Tại Biên bản hỏi cung bị cáo Zheng Keng Xi (các bút lục từ 703-706, từ 715-716, 737-738), bị cáo đều thừa nhận bị cáo rút tiền tại cây ATM theo sự chỉ đạo của Zheng Zhu E.

Tại Biên bản hỏi cung bị cáo Nguyễn Văn Th (các bút lục 803-805), bị cáo Th khai: Tiền được chuyển vào tài khoản của Nguyễn Văn D1, sau đó A Tr chỉ đạo En đưa D1 từ ĐH, Trung Quốc về MC, Quảng Ninh để rút tiền thì gặp Xi, cả 3 cùng đi rút tiền tại ngân hàng.

Tại Biên bản hỏi cung bị cáo Nguyễn Văn Th (các bút lục 805-808 và 815), Th khai vai trò của E và X trong nhóm lừa đảo như sau: Tại Phúc Kiến Trung Quốc, Th, E và A Tr phân công nhiệm vụ thống nhất, E sang MC, Quảng Ninh để nhận thẻ ATM và rút tiền chuyển về Trung Quốc. E sang MC được một tháng thì Th và A Tr thống nhất đưa thêm X sang để hỗ trợ E.

Tại Biên bản hỏi cung bị cáo Lê Thị A1 (các bút lục 958-960), Ánh khai làm phiên dịch cho E và X, E đưa cho A1 3-4 lần tiền Việt Nam khoảng 2,5 tỷ để gửi cho Đồng Thị L3 gửi về Trung Quốc.

Tại Biên bản hỏi cung bị can Zheng Keng X (bút lục 1619) ngày 05/11/2016, X khai đi rút tiền tại cây ATM của nhiều người khác nhau theo sự chỉ đạo của Zheng Zhu E.

Và đặc biệt, tại Biên bản đối chất ngày 05/11/2016 (bút lục 1621) X và E đều thừa nhận X đi rút tiền theo sự chỉ đạo của E, E sang Việt Nam không làm ăn buôn bán hải sản như đã khai.

Căn cứ vào các lời khai nêu trên của hai bị cáo, căn cứ vào lời khai của các bị cáo khác và các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu giữ được, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Từ cuối năm 2014 đến đầu năm 2015, các bị cáo Nguyễn Văn Th, Zheng Zhu E, Zheng Ke X, Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn Tr1 và Nguyễn Văn D1 dùng thủ đoạn giả danh nhân viên tổng đài bưu điện để khai thác thông tin về chủ thuê bao, giả danh Công an yêu cầu chủ thuê bao chuyển tiền vào tài khoản do Th chỉ định. Với thủ đoạn như trên, A Tr, Nguyễn Văn Th, Zhen Zhu E và các đồng phạm đã thực hiện 4 vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng tài sản là 3.715.146.000 đồng.

Hành vi của cá bị cáo được thực hiện thông qua việc các bị cáo đã dùng lời nói gian dối, không đúng sự thật, làm cho người bị hại tưởng giả là thật, tưởng kẻ gian là người ngay nên tin nhầm rồi giao tài sản cho các bị cáo chiếm đoạt mà không hề hay biết. Cụ thể:

Các bị cáo không phải là nhân viên tổng đài bưu điện, không phải là Công an nhưng giả danh những người này và đưa ra những thông tin không đúng sự thật là các bị hại đang nợ tiền cước điện thoại với số lượng lớn, đồng thời nói rằng số điện thoại này liên quan đến đường dây mua bán ma túy, rửa tiền đang bị Công an điều tra. Bên cạnh đó các bị cáo còn khai thác bị hại có tiền gửi tài khoản ngân hàng hay không, nếu có thì yêu cầu họ chuyển tiền vào tài khoản do bị cáo Th chỉ định. Bị hại vừa chuyển tiền vào các tài khoản này thì lập tức bị các bị cáo chiếm đoạt ngay.

Trong vụ án này, bị cáo Zheng Zhu E phải chịu trách nhiệm trong việc lừa đảo chiếm đoạt của 4 bị hại là Nguyễn Thị Đ, Quách Thị Thanh L1, Phạm Thị Q1 và Phan Thị H, với tổng số tiền là 3.715.146.000 đồng; bị cáo Zheng Ke X thực hiện với vai trò đồng phạm với Zheng Zhu E và Th nên phải chịu trách nhiệm hình sự về 3 vụ lừa đảo các bị hại Nguyễn Thị Đ, Quách Thị Thanh L1 và Phạm Thị Q1, tổng số tiền chiếm đoạt là 2.266.617.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội có tính chất đồng phạm, thực hiện phạm tội nhiều lần, thủ đoạn phạm tội tinh vi, gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Zheng Zhu E và bị cáo Zheng Ke X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Nhận định trên đây cũng là căn cứ bác bỏ ý kiến của Luật sư bào chữa cho hai bị cáo về việc đề nghị chấp nhận kháng cáo kêu oan của hai bị cáo.

[2] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét tính chấp, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo cũng như những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như:

Bị cáo Zheng Zhu E là người trực tiếp chi trả tiền làm thẻ ATM cho Lê Thị A1; trực tiếp nhận, quản lý toàn bộ thẻ ATM, thẻ điện thoại; trực tiếp đưa D1, Thắng sang Phúc Kiến, Trung Quốc để học cách lừa đảo theo sự chỉ đạo của Th và A Tr; đưa tiền cho Th để làm thủ tục gia hạn visa khi Th và Đạt về MC. Trong vụ lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà L1, Zheng Zhu E là người trực tiếp đưa D1 quay lại Việt Nam để rút tiền và chỉ đạo Zheng Ke X đi cùng, nhận tiền. Bị cáo Zheng Zhu E tham gia trực tiếp vụ vụ lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 3.715.146.000 đồng của 4 bị hại là Nguyễn Thị Đ, Quách Thị Thanh L1, Phạm Thị Q1 và Phan Thị H.

Bị cáo Zheng Ke X biết rõ bị cáo Zheng Zhu E sang Việt Nam không làm ăn gì, không giao tiếp với ai nhưng theo chỉ đạo của E, bị cáo là người trực tiếp đi rút toàn bộ số tiền mà cả nhóm lừa đảo chiếm đoạt được. Bị cáo thực hiện hành vi rút tiền với số lượng lớn, trong điều kiện không bình thường, thậm chí rút tiền vào ban đêm (đợi đến 0h00 hôm sau để rút bằng hết số tiền có trong tài khoản). Bị cáo X phải nhận thức được đó là tài sản bất hợp pháp. Như vậy, bị cáo X thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo E bị cáo Th trong việc lừa đảo chiếm đoạt 2.266.617.000 đồng của các bị hại Nguyễn Thị Đ, Quách Thị Thanh L1 và Phạm Thị Q1.

Trong một thời gian ngắn, các bị cáo liên tục thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về ý kiến của Luật sư bào chữa cho hai bị cáo cho rằng, số tiền mà các bị cáo thực tế chiếm đoạt của các bị hại thấp hơn số tiền mà các bị hại chuyển vào tài khoản theo chỉ định của các bị cáo, nên nếu các bị cáo có phạm tội thì cũng không thể bị xét xử ở mức án cao như bản án sơ thẩm đã tuyên là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi vì, như phần trên đã nhận định, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, để các bị hại tin giả là thật mà chuyển tiền vào số tài khoản mà các bị cáo chỉ định và ngay sau đó các bị cáo rút chiếm đoạt. Như vậy tội phạm đã hoàn thành kể từ thời điểm các bị hại chuyển tiền vào các tài khoản mà các bị cáo chỉ định, không phụ thuộc vào việc các bị cáo đã rút ra hết hay chưa. Mặt khác, việc các bị cáo chưa rút hết tiền ra khỏi tài khoản là nằm ngoài ý chí của các bị cáo, do vượt quá hạn mức rút trong ngày hoặc do người bị hại phát hiện bị lừa đảo và ngăn chặn.

Từ việc đánh giá như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Zheng Zhu E 14 năm tù và bị cáo Zheng Ke X 12 năm tù là thoả đáng, phù hợp với vai trò của từng bị cáo, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Mức hình phạt nêu trên cũng đã thể hiện chính sách khoan

hồng của pháp luật, không nặng như lời trình bày của các bị cáo trong lời nói sau cùng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ để xem xét. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Zheng Zhu E và Zheng Ke X. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 01 và 02 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Zheng Zhu E (Trịnh Chu A), Zheng Ke X (Trịnh Khả T), Đinh Văn Đ1, Nguyễn Văn Tr1 và Nguyễn Văn D1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 20 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2015.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 20 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009,

Xử phạt: Bị cáo Zheng Ke X (Trịnh Khả T) 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2015.

Tiếp tục giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Zheng Zhu E (Trịnh Chu A) và Zheng Ke X (Trịnh Khả T) mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- TTG CA tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
(Tổng đạt cho bị cáo (3));
- Lưu VP (3), HS (2), 16b (Án 18).

Võ Văn Khoa